TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/DSST
Ngày: 03/04/2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Phiến.
2. Bà Cao Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lâm Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-DS ngày 4 tháng 03 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-DS ngày 19/03/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị L, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là Nguyễn Mai Thanh T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: số A, ấp P, xã T, TP ., tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1966;

2.2. Ông Trần Văn L1, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn bà Hà Thị L và các lời khai tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Mia Thanh T1 trình bày:

Trước đây bà L có cho bà H vay nhiều lần nhưng bà L không nhớ rõ thời gian vay, khi vay có lập biên nhận nợ, thỏa thuận lãi suất 1.000.000đ thì mỗi tháng bà H đóng lãi 30.000đ (3%/ tháng), số tiền lãi hàng tháng vợ chồng bà Nguyễn Ngọc H, ông Trần Văn L1 phải trả là 660.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi ngàn đồng), khi vay không thỏa thuận thời hạn trả cụ thể mà chỉ nói khi nào hốt hụi trả, mục đích bà H vay tiền là để trị bệnh cho chồng và làm vốn bán vé số. Đến ngày 20/5/2022 giữa bà và bà H cộng lại hết số tiền nợ vay là 22.000.000đ lập biên nhận mới nghi ngày 20/5/2022.

Ngày 26/9/2022 bà Nguyễn Ngọc H, tiếp tục hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng, mục đích vay cũng để trị bệnh cho ông L1 và làm vốn bán vé số, lãi suất vay thỏa thuận 3%/tháng và không thỏa thuận thời hạn trả nợ vay. Các lần vay bà L đều giao dịch trực tiếp với bà H không có mặt của ông L1.

Từ ngày vay cho đến 12/2022 gia đình bà H có trả lãi cho bà L nhiều lần nhưng bà không nhớ thời gian cụ thể, tổng số tiền bà H đã trả lãi cho bà là 5.220.000 đồng. Sau đó từ tháng 03/2023 đến nay gia đình bà H không đóng lãi nữa.

Bà có liên hệ bà Nguyễn Ngọc H, ông Trần Văn L1 nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà H và ông L1 cứ hứa hẹn mà không trả nợ.

Vì vậy bà Hà Thị L yêu cầu bà Nguyễn Ngọc H và ông Trần Văn L1 liên đới trả lại số tiền còn nợ là 27.000.000đ. Không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:

Trước đây bà có vay tiền của bà Hà Thị L nhiều lần để mua bán vé số, sinh hoạt trong gia đình và trị bệnh cho ông Trần Văn L1 số tiền cụ thể bà không nhớ rõ, lãi suất thỏa thuận 1.000.000đ mỗi tháng bà phải đóng 60.000đ, không thỏa thuận thời hạn trả, khi vay bà L có ghi sổ bà H cũng có ký tên nhưng bà không nhớ ký nội dung gì. Sau khi vay bà H cũng đóng lãi cho bà L. Đến khoảng năm 2022, giữa bà H và bà L cộng nợ lại lập biên nhận số tiền 22.000.000đ ngày 20/5/2022 và bà có vay thêm 5.000.000đ lập biên nhận 5.000.000đ ngày 26/9/2022. Khi vay tiền thì chỉ có bà H và bà L thỏa thuận với nhau ông Trần Văn L1 không biết việc bà H vay tiền của bà L. Tháng 5/2023, do không còn khả năng đóng lãi nên bà H bỏ đi S. Ngày 26/5/2023,bà L có mang biên nhận đến gặp ông L1 yêu cầu ông L1 ký tên vào biên nhận để xác nhận việc bà H có mượn nợ của bà L.

Bà Nguyễn Ngọc H đồng ý trả cho bà Hà Thị L số tiền còn nợ là 27.000.000đ không tính lãi, bà H không yêu cầu và cũng không đồng ý ông L1 liên đới cùng bà trả số tiền 27.000.000đ cho bà L vì số tiền này bà tự vay ông L1 không biết.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trần Văn L1 trình bày:

Vợ ông là Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1966 có mượn số tiền của Hà Thị L trước sau tổng cộng là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) trong thời gian bà H vay mượn tiền của bà L thì ông không biết, đến khi bà H mất khả năng chi trả tiền lãi hàng tháng nên bỏ nhà đi S vào tháng 5/2023 thì đến ngày 26 tháng 05 năm 2023, hai vợ chồng của bà L có đến nhà gặp ông, vợ chồng bà L trình bày thì ông biết được bà H có nợ tiền của bà L 27.000.000đ, sau đó bà L có đưa tờ giấy hợp

đồng vay mượn tiền của vợ ông cùng bà L. Sau khi ông xem qua tờ giấy nợ của vợ ông có vay mượn có chữ ký và chữ viết của vợ ông là đúng, vợ chồng bà L bắt buộc ông phải ký tên vào tờ giấy nợ này, ông có ký tên để xác nhận là vợ ông đã có vay mượn tiền của bà L. Thường ngày bà H là người quản lý tiền trong gia đình, khi ông cần tiền chi tiêu sinh hoạt thì bà H sẽ đưa tiền cho ông, mỗi tháng ông đều khám bệnh chi phí khoảng 1.800.000đ thì bà H đưa ông 500.000đ, phần còn lại con ông hỗ trợ tiếp ông. Nếu vợ ông nợ tiền thì vợ chồng ông cũng đồng ý trả nhưng hiện nay ông bị bệnh không có khả năng lao động, chỉ còn bà H có thu nhập vì vậy nếu trả nợ thì trả bằng thu nhập của bà H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 72, Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 463, 466, 467 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc H và ông Trần Văn L1 liên đới trả số tiền là 27.000.000 đồng, không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Hà Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Ngọc H và ông Trần Văn L1 liên đới trả số tiền 27.000.000đ, không tính lãi đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. bà Nguyễn Ngọc H và ông Trần Văn L1 có địa chỉ tại xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, bà Nguyễn Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông L1, bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Hà Thị L có cho bà Nguyễn Ngọc H vay tiền nhiều lần, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, khi vay có lập biên nhận, mục đích vay tiền là để trị bệnh cho ông Trần Văn L1 và làm vốn bán vé số. Ngày 20/5/2022, bà H và bà L cộng vốn vay được số tiền 22.000.000đ và lập biên nhận mới. Ngày 26/9/2022, bà H vay tiếp số tiền 5.000.000đ, có lập biên nhận nợ, lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Sau khi vay bà H đóng lãi cho bà L đến tháng 5/2023 thì không đóng lãi nữa. Do đó bà L yêu cầu bà Nguyễn Ngọc H và ông Trần Văn L1 liên đới trả số tiền vốn vay là 27.000.000đ, không tính lãi.

Bà Nguyễn Ngọc H cũng thừa nhận bà có vay tiền của bà L nhiều lần, tổng cộng thì bà còn nợ bà L số tiền 27.000.000. Do đó, bà H cũng đồng ý trả cho bà L số tiền vốn gốc là 27.000.000đ, tuy nhiên bà H cho rằng khi bà vay tiền thì ông L1 không biết nên bà không đồng ý việc ông L1 liên đới trả nợ cùng bà.

Ông Trần Văn L1 trình bày tuy việc bà H vay tiền của bà L thì ông không biết nhưng khi thấy chữ ký và chữ viết của bà H trong biên nhận thì ông có ký tên vào biên nhận nợ, ông cũng đồng ý vợ chồng trả nợ cho bà L nhưng ông cho rằng ông bị bệnh không có thu nhập vì vậy nếu trả nợ thì trả trong khoản thu nhập của bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông L1 cũng thống nhất có nợ bà L số tiền 27.000.000đ, mặc dù khi vay tiền thì ông L1 không biết nhưng mục đích bà H vay tiền để phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của vợ chồng cụ thể là làm vốn bán vé số và để trị bệnh cho ông L1 đều đó phù hợp với lời khai của nguyên đơn cũng như bị đơn.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhập yêu cầu của nguyên đơn bà Hà Thị L, buộc bà Nguyễn Ngọc H và ông Trần Văn L1 liên đới trả cho bà Hà Thị L số tiền còn nợ là 27.000.000đ.

[2.2] Về lãi suất: do đương sự không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về án phí: bà Nguyễn Ngọc H và ông Trần Văn L1 nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hà Thị L.

2. Buộc bà Nguyễn Ngọc H và ông Trần Văn L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hà Thị L số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc H và ông Trần Văn L1 phải nộp 1.350.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hà Thị L được nhận lại 729.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002112 ngày 21/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan